

Bản án số: 89/2026/HS-ST
Ngày: 07-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phụng;
Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 06 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Vũ Văn N, sinh ngày 10/4/1982. Số CCCD: 036082006681 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C2** cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; nơi sinh: **Xã C, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Số A, ngõ B, đường T, tổ dân phố A phường N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Văn M**, sinh năm 1956 (đã chết) và bà **Trần Thị C**, sinh năm 1959; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ là **Vũ Thị T**, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 05/3/2026 cho đến nay.

- Bị hại: Anh **Vũ Văn M1**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: **Thôn B, xã C, tỉnh Ninh Bình** (đã chết).

- Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1959.
2. Chị **Phạm Thị X**, sinh năm 1982
3. Cháu **Vũ Thị T1**, sinh năm 2003
4. Cháu **Vũ Văn T2**, sinh năm 2005;

5. Cháu **Vũ Văn T3**, sinh ngày 18/8/2016.

Cùng nơi cư trú: **Thôn B, xã C, tỉnh Ninh Bình**.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà **C**, cháu **T1**, cháu **T2** đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu **T3**: Chị **Phạm Thị X**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: **Thôn B, xã C, tỉnh Ninh Bình**.*

- Người làm chứng:

1. Anh **Phạm Kim H**, sinh năm 1989.
2. Ông **Mai Kiên C1**, sinh năm 1965.
3. Anh **Mai Thanh K**, sinh năm 1985.
4. Anh **Đình Xuân L**, sinh năm 1994.
5. Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1987.
6. Anh **Hoàng Ngọc H1**, sinh năm 1976.
7. Anh **Đình Văn T4**, sinh năm 1987.
8. Ông **Nguyễn Đoàn T5**, sinh năm 1972.
9. Ông **Bùi Văn L1**, sinh năm 1977.

(Có mặt bị cáo, chị **X**; vắng mặt anh **H**, ông **C1**, anh **K**, anh **L**, anh **Đ**, anh **H1**, anh **T4**, ông **T5**, ông **L1**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 là đơn vị xây dựng, quản lý hệ thống nhà xưởng tại **Cụm C (thôn A Y, xã H, tỉnh Ninh Bình)**. Để đáp ứng các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, ngày 16/7/2025, **Công ty X1** ký kết hợp đồng kinh tế với **Công ty trách nhiệm hữu hạn X2 (Công ty X2)** để lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại các nhà xưởng của **Công ty X1**. Cùng ngày 16/7/2025, **Công ty X2** ký Hợp đồng thuê khoán nhân công với **Vũ Văn N**. Trong nội dung hợp đồng có thỏa thuận, **Vũ Văn N** phải chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho máy móc thiết bị và người lao động. Sau khi ký kết hợp đồng, **Công ty X2** đã bàn giao cho **Vũ Văn N** hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công, thuyết minh biện pháp an toàn lao động; hồ sơ bản vẽ biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động để tổ chức thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại nhà xưởng của **Công ty X1**.

Vũ Văn N đã thỏa thuận miêng thuê nhóm nhân công gồm: Anh **Vũ Văn M1** (anh trai **N**) cùng một số nhân công khác để lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại vị trí mái nhà xưởng cao so với mặt đất khoảng 05m. Mặc dù thuê công nhân làm việc trên cao và đã được **công ty X2** bàn giao các tài liệu biện pháp an toàn lao động nhưng Nam không tuân thủ, không thực hiện theo yêu cầu của nhà thầu, không tổ chức huấn luyện an toàn lao động, cấp thẻ an toàn cho người lao động; không phổ biến kiến thức, kỹ năng và các biện pháp đảm bảo an toàn trước khi bố trí làm việc trên cao; không tổ chức đánh giá, khảo sát các yếu tố nguy

hiểm tại nơi làm việc, không trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân, không xây dựng nội quy, quy trình bảo đảm an toàn lao động, không ban hành kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc theo quy định. Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 05/11/2025, nhóm công nhân đã thực hiện gia công, cắt, hàn, nối các ống kẽm phòng cháy, chữa cháy ở dưới mặt đất và chuẩn bị lắp đặt hệ thống đường ống đã được gia cố lên vị trí lắp đặt tại vị trí sát mái nhà xưởng. Quá trình thi công, **Vũ Văn N** không có mặt nên không thực hiện việc kiểm tra, giám sát thi công tại công trình. Khoảng 11 giờ ngày 05/11/2025, anh **Vũ Văn M1** trèo lên hệ thống ống dẫn khí của nhà xưởng được làm bằng các tấm tôn, cao khoảng 05 mét so với mặt đất để đặt các tấm ván gỗ lên mặt của hệ thống ống dẫn thông khí, tạo mặt bằng phục vụ việc đo đạc chuẩn bị thi công lắp đặt ống kẽm phòng cháy chữa cháy lên vị trí mái. Do không tổ chức khảo sát đánh giá yếu tố nguy hiểm, độ bền chắc của hệ thống ống dẫn khí, không có lan can bảo vệ và không có lưới chắn, anh **M1** không có dây an toàn và mũ bảo hộ nên khi di chuyển trên hệ thống ống dẫn khí, vách tôn cũ bị thủng làm anh **M1** rơi xuyên qua hệ thống thông khí, phần đầu va chạm vào cạnh máy Roto đúc nhựa được lắp đặt phía dưới nhà xưởng. Hậu quả: Anh **M1** bị thương được đưa đến **Bệnh viện Đ1** cấp cứu nhưng đã tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 1800/KLGĐTT-KTHS ngày 12/11/2025, **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận: Anh **Vũ Văn M1** chết do đa chấn thương sọ não - hàm mặt. Cơ chế hình thành thương tích: Do va đập, chà sát.

Công văn số 1788/SNV-VL ngày 02/3/2026, **Sở Nội vụ tỉnh N** kết luận:

+ Ông **Vũ Văn M1**, sinh năm 1979, trú tại **xóm B, xã C, tỉnh Ninh Bình** tử vong là trường hợp tai nạn lao động. Đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trên công trường xây dựng, người sử dụng lao động và người lao động phải tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng và một số văn bản pháp luật liên quan khác.

+ Việc triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động khi thi công trên công trường xây dựng do chủ sử dụng lao động, người lao động làm việc trên công trường chịu trách nhiệm thực hiện.

+ Đối với trường hợp ông **Vũ Văn M1**, trước khi lao động phải được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Ông **Vũ Văn M1** phải được cấp phát và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân trong quá trình làm việc trên công trường, đồng thời phải chấp hành đầy đủ các nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn vệ sinh lao động.

+ Việc bố trí người lao động làm việc trên cao tại công trường (độ cao thực tế xác định khoảng 5m) phải đảm bảo đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn theo quy định tại Mục 2.7 Quy chuẩn số 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

Quá trình điều tra, **Vũ Văn N** đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000đ. Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm.

Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 08/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình truy tố bị cáo **Vũ Văn N** về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm d khoản 2 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo **Vũ Văn N** khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, thực sự ăn năn, hối lỗi. Bị cáo xin được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm lo gia đình và các con của bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại chị **Phạm Thị X** không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự, đề nghị Tòa án xem xét mối quan hệ giữa bị cáo và bị hại là anh em ruột, khi còn sống anh em hòa thuận, tạo điều kiện công việc để đảm bảo cuộc sống cho nhau; việc anh **M1** tai nạn lao động tử vong hoàn toàn nằm ngoài mong muốn của bị cáo. Chị **X** đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để chăm lo gia đình và các cháu là con anh **M1**.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ quan điểm truy tố bị cáo **Vũ Văn N** về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Văn N** từ 30 tháng đến đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **UBND phường N**, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại không tranh luận.

Nói lời sau cùng: Bị cáo công nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị hại không ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Vũ Văn N** khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 05/11/2025, tại công trình lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công ty X1 ở thôn A Y, xã H, tỉnh Ninh Bình, Vũ Văn N là người sử dụng lao động, có trách nhiệm về an toàn lao động nhưng đã không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tại nơi làm việc; không tiến hành huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; không trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn lao động, vi phạm khoản 2 Điều 7, khoản 6 Điều 12, khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 16 Luật An toàn vệ sinh lao động dẫn đến việc người lao động là anh Vũ Văn M1 trong quá trình làm việc di chuyển trên hệ thống thông khí bằng tôn đã cũ, bị ngã rơi xuyên qua hệ thống thông khí, phần đầu va chạm vào cạnh máy Roto đúc nhựa được lắp đặt phía dưới nhà xưởng. Hậu quả: Anh M1 bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1 nhưng đã tử vong.

Bị cáo là người có thể chất tinh thần bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm d khoản 2 Điều 295 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình để xét xử với tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về an toàn lao động, xâm phạm quyền được đảm bảo tính mạng, sức khỏe của người lao động. Bị cáo là người sử dụng lao động nhưng không tuân thủ các quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động, làm việc và chỉ đạo theo kinh nghiệm của bản thân dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, làm một người chết. Vì vậy, cần xử lý nghiêm hành vi vi phạm của bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thật thà ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, người bị hại là người lao động nhưng là anh trai ruột của bị cáo, bị cáo đưa anh trai đi làm để tạo công ăn việc làm, cải thiện kinh tế gia đình và nuôi các cháu. Việc anh M1 bị tai nạn lao động dẫn đến tử vong hoàn toàn nằm ngoài mong muốn của bị cáo nên lỗi của bị cáo được xác định là lỗi vô ý. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt,

được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình như đề nghị của bị cáo, đại diện bị hại và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa cũng đảm bảo mục đích hình phạt đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với những trường hợp phạm tội vô ý.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy bị cáo là trụ cột kinh tế chính của gia đình, đang phải nuôi 02 con nhỏ ăn học và chịu trách nhiệm một phần với cuộc sống của gia đình bị hại (vợ con anh M1) nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Do đó, về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về vấn đề khác: Anh Phạm Kim H là giám đốc Công ty X2 đã ký hợp đồng thuê khoán với Vũ Văn N về việc thi công công trình lắp đặt phòng cháy chữa cháy cho công ty X1, anh H không trực tiếp thuê người lao động là anh Vũ Văn M1. Mặt khác, hợp đồng thuê khoán đã có điều khoản quy định rõ trách nhiệm của Vũ Văn N phải đảm bảo an toàn lao động cho người lao động nên không xử lý bằng pháp luật đối với anh H là phù hợp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 295; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

1.2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày 07/7/2026.

Giao bị cáo Vũ Văn N cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị

cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo **Vũ Văn N.**

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Vũ Văn N** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Thị Hòe